

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/DS-ST
Ngày: 01-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Đông

Bà Mai Thị Kim Hương

- Thư ký Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 7 và ngày 01 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T1;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 89 Láng Hạ, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Chí D: Ông Đỗ Thành T2, chức vụ: Phó Tổng giám đốc, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2018).

Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Thành T2: Ông A và ông Huỳnh Ngọc H chức vụ - Chuyên viên tố tụng Ngân hàng VP AMC, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/4/2019);

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2 số 96 đường Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: **Ông Dương Hoàng P**, sinh năm 1992; cư trú tại: Số 1/22 ấp B, xã L, thành phố T, tỉnh Long An.

(Ông A có mặt, ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2018 của ông Đỗ Thành T2 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của ông A VP, đại diện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng VP) trình bày:

Ngân hàng VP-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp tín dụng cho ông Dương Hoàng P căn cứ vào Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, ông Dương Hoàng P vay tiền của Ngân hàng VP, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 11161781 ngày 26 tháng 12 năm 2016: ông P vay số tiền là 70.000.000 đồng, lãi suất 32,90%/năm, thời hạn vay là 48 tháng, thanh toán theo kỳ, mục đích vay để tiêu dùng. Sau khi vay, vào ngày 27/02/2017, ông P có trả được số tiền 5.373.145 đồng, trong đó tiền gốc là 1.366.630 đồng, tiền lãi là 4.006.515 đồng. Nay ông P còn nợ Ngân hàng VP số tiền gồm nợ gốc là 68.633.370 đồng và nợ lãi tính đến hết ngày 01/8/2019 là 84.101.280 đồng, tổng cộng là 152.734.650 đồng.

- Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-9502707 mở ngày 31 tháng 12 năm 2016 hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, lãi suất 35,88%/năm. Sau khi vay, ông P đã giao dịch với số tiền 19.400.000 đồng, tiền phí giao dịch là 552.800 đồng. Nay ông P còn nợ Ngân hàng số tiền 19.400.000 đồng, tiền phí giao dịch là 552.800 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 01/8/2019 là 28.248.476 đồng, tổng cộng 48.201.276 đồng.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký với ngân hàng. Ngân hàng VP đã nhiều lần liên hệ với ông P và tạo điều kiện cho ông P thanh toán nợ nhưng ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng VP. Đại diện Ngân hàng VP yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P trả số tiền nợ gốc là 88.033.370 đồng, phí giao dịch là 552.800 đồng và nợ lãi tính đến hết ngày 01/8/2019 là 112.349.756 đồng, tổng cộng là 200.935.926 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho ông Dương Hoàng P biết Tòa án có thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của Ngân hàng VP đối với ông P theo quy định pháp luật nhưng ông P không đến Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về việc khởi kiện của Ngân hàng VP. Vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Pên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia Pên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký Pên tòa, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình

xét xử tại Tòa án đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do ông A Gúc đại diện buộc ông Dương Hoàng P phải trả nợ vay cho Ngân hàng VP số tiền nợ gốc, nợ lãi và tiền phí giao dịch, tổng cộng là 200.935.926 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T1 khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Dương Hoàng P, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Dương Hoàng P có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Long An nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Dương Hoàng P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng VP do ông A đại diện thấy: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 11161781 ngày 26 tháng 12 năm 2016 thể hiện ông P có vay 70.000.000 đồng, lãi suất 32,90%/năm, thời hạn vay 48 tháng và Hợp đồng thế tín dụng số 325-P-9502707 mở ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện ông P có ký kết với Ngân hàng VP với hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng, lãi suất 35,88%/năm, mục đích vay là để tiêu dùng, hình thức vay mở tài khoản và thẻ ghi nợ. Như vậy, giữa Ngân hàng VP với ông Dương Hoàng P đã thiết lập hợp đồng vay có kỳ hạn và có thỏa thuận lãi suất được quy định tại Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Đối với hợp đồng tín dụng số 11161781 ngày 26 tháng 12 năm 2016, ông P có trả được số tiền 5.373.145 đồng, trong đó tiền gốc là 1.366.630 đồng, tiền lãi 4.006.515 đồng, hiện còn nợ gồm nợ gốc là 68.633.370 đồng và nợ lãi tính đến hết ngày 01/8/2019 là 84.101.280 đồng. Đối với hợp đồng thế tín dụng số 325-P-9502707 mở ngày 31 tháng 12 năm 2016, ông P đã giao dịch rút và sử dụng số tiền nhiều lần tổng cộng là 19.400.000 đồng, ông P còn nợ 19.400.000 đồng tiền nợ gốc và tiền phí giao dịch là 552.800 đồng cùng tiền lãi tính đến hết ngày 01/8/2019 là 28.248.476 đồng. Do ông P đã vi phạm hợp đồng không trả số tiền vay như thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng VP đã nhiều lần yêu cầu ông P trả nợ và Tòa án đã nhiều lần thông báo ông P đến tham gia giải quyết vụ án nhưng ông P không hợp tác và không có thiện chí trả nợ. Do đó, Ngân hàng VP khởi kiện yêu cầu ông P trả cho Ngân hàng VP số tiền vay gồm vốn gốc là 88.033.370 đồng và nợ lãi tính đến hết ngày 01/8/2019 là 112.349.756 đồng và tiền phí giao dịch là 552.800 đồng, tổng cộng 200.935.926 đồng là có căn cứ.

[4] Từ nhận định nêu trên, buộc ông Dương Hoàng P trả cho Ngân hàng VP số tiền vay gồm nợ gốc là 88.033.370 đồng, nợ lãi tính đến hết ngày 01/8/2019 là 112.349.756 đồng và tiền phí giao dịch là 552.800 đồng, tổng cộng là 200.935.926 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: ông Dương Hoàng P phải chịu án phí theo quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại Pên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều: 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T1 do ông A đại diện đối với ông Dương Hoàng P về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

1.1. Buộc ông Dương Hoàng P phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T1 số tiền vay gồm nợ gốc là 88.033.370 (Tám mươi tám triệu, không trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm bảy mươi) đồng, nợ lãi tính đến hết ngày 01/8/2019 là 112.349.756 (Một trăm mười hai triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi sáu) đồng và tiền phí giao dịch là 552.800 (Năm trăm năm mươi hai nghìn, tám trăm) đồng, tổng cộng là 200.935.926 (Hai trăm triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi sáu) đồng.

1.2. Từ ngày 02/8/2019, ông Dương Hoàng P còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T1 tương ứng với số nợ gốc và thời gian chậm trả đến khi thi hành xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Dương Hoàng P phải chịu 10.046.796 (Mười triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, bảy trăm chín mươi sáu) đồng án phí sung ngân sách Nhà nước.

3.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T1 không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 3.325.608 (Ba triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm lẻ tám) đồng do ông Phan Thanh H nộp theo biên lai thu số 0002588 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm có mặt đại diện của nguyên đơn, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị

đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA

Lê Thị Đông – Mai Thị Kim Hương

Huỳnh Thị Phụng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Viện KSND tp T;
- Chi cục THADS tp T;
- Các đương sự (02);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA**

- Lưu: án văn, hồ sơ VA.

Huỳnh Thị Phụng